

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST
Ngày: 14-4-2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan H Phú và Ông Nguyễn Quốc Đồng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Thảo - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2022/TLST-KDTM ngày 04 tháng 11 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-TCDS, ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; địa chỉ: tháp BIDV, 194 T, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Thanh H, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Bắc Quảng Bình. (Văn bản ủy quyền số: 982/QĐ-BIDV ngày 01/11/2021).

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Việt H - Chuyên viên Phòng quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ: 332A Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. (Văn bản ủy quyền số 1209/QĐ-BIDV ngày 08/11/2021). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại H; địa chỉ: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện: Ông Hoàng H, chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt (xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng B; nơi cư trú: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Hoàng H; nơi cư trú: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt không có lý do.

3. Bà Hoàng Thị T; nơi cư trú: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (xin xét xử vắng mặt).

4. Bà Hoàng Thị C; nơi cư trú: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (xin xét xử vắng mặt).

5. Ông Hoàng H; nơi cư trú: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2022, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng TMCP Đ trình bày:*

- Ngày 07/03/2019, Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Bắc Quảng Bình (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và công ty TNHH Thương mại H (Sau đây gọi tắt là Công ty) đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/6547792/HĐTD để vay số tiền 2.000.000.000 đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu; lãi suất: theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể; thời hạn vay: 12 tháng. Bằng các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

+ Ngày 24/6/2019, Công ty ký với Ngân hàng ký kết hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.3/2019/6547792 để vay số tiền 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay 03 tháng; lãi suất cho vay: 8%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả là 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

+ Ngày 10/7/2019, Công ty với Ngân hàng ký kết hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.4/2019/6547792/HĐTD để vay số tiền 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay 04 tháng; lãi suất cho vay 7,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả là 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 23/11/2022: Công ty đã trả cho Hợp đồng số 01.3/2019/6547792 ngày 24/6/2019 được 480.000.000 đồng số tiền gốc, tổng dư nợ của hợp đồng này là 722.187.397 đồng, trong đó dư nợ gốc là 520.000.000 đồng, nợ lãi là 136.311.233, lãi phạt là 65.876.164 đồng; đối với Hợp đồng số 01.4/2019/6547792/HĐTD ngày 10/7/2019, Công ty chưa trả được khoản nợ gốc, lãi nào, tổng dư nợ của hợp đồng này là 1.359.589.041 đồng, trong đó dư nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi là 245.753.425 đồng, lãi phạt là 113.835.616 đồng.

- Để đảm bảo khoản vay và nghĩa vụ trả nợ, Công ty và bên thứ 3 đã ký kết với Ngân hàng các Hợp đồng thế chấp tài sản, cụ thể như sau:

+ Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/8690481/HĐBĐ ngày 06/3/2019 để thế chấp thửa đất số 179; tờ bản đồ số 04; diện tích 220m²; địa chỉ thửa đất: xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 191500, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số QSDĐ/217/QĐUB, do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch (nay là thị xã Ba Đồn) cấp ngày 30/4/1993 cho ông Hoàng Tường. Tài sản bảo đảm tại thời điểm thế chấp được định giá là 1.800.660.000 đồng.

+ Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/8690481/HĐTC ngày 06/3/2019 về thế chấp tài sản là 03 phương tiện thủy nội địa, cụ thể:

Phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số đăng ký QB-1650-H do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình cấp ngày 30/01/2018 cho Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tường.

Phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số đăng ký QB-0435-H do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình cấp ngày 26/01/2018 cho Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tường.

Phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số đăng ký QB-1142-H do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình cấp ngày 26/01/2018 cho Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tường.

Trong quá trình tín dụng với Ngân hàng, Công ty không thực hiện đúng các thỏa thuận, cam kết tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết, để phát sinh nợ quá hạn, thời điểm phát sinh nợ quá hạn của các hợp đồng đã ký kết cụ thể như sau: ngày 24/9/2019, vi phạm theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01.3/2019/6547792 ngày 24/6/2019; ngày 10/11/2019 vi phạm theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01.4/2019/6547792/HĐTD ngày 10/7/2019. Sau khi các khoản nợ quá hạn, Ngân hàng đã tìm gặp ông Hoàng T, đại diện của Công ty để làm trực tiếp làm việc nhiều lần và có văn bản yêu cầu NH Công ty không trả được nợ theo cam kết. Do đó, Ngân hàng thực hiện thủ tục khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn để yêu cầu Tòa án buộc Công ty pH thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 23/11/2022 là: theo Hợp đồng số 01.3/2019/6547792 ngày 24/6/2019, tổng dư nợ của hợp đồng này là 722.187.397 đồng, trong đó dư nợ gốc là 520.000.000 đồng, nợ lãi là 136.311.233, lãi quá hạn là 65.876.164 đồng; theo Hợp đồng số 01.4/2019/6547792/HĐTD ngày 10/7/2019, tổng dư nợ của hợp đồng này là 1.359.589.041 đồng, trong đó dư nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi là 245.753.425 đồng, lãi quá hạn là 113.835.616 đồng.

Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền tự xử lý hoặc yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật mà Công ty đã thế chấp cho ngân hàng, cụ thể: thửa đất số 179, tờ bản đồ số 04, diện tích 220m², được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 191500, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QSDĐ/217/QĐUB, do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch (nay là thị xã Ba Đồn) cấp ngày 30/4/1993 cho ông Hoàng Tường và tài sản là nhà ở chưa được chứng nhận quyền sở hữu cụ thể, tại địa chỉ thôn Văn Phú, xã Quảng Văn, huyện Quảng Trạch (nay là thị xã Ba Đồn), tỉnh Quảng Bình, diện tích xây dựng 120m², diện tích sàn 120m², loại nhà cấp IV, 01 tầng, hoàn thành năm 2010; được xây dựng trên thửa đất đã ký thế chấp với Ngân hàng (số 179, tờ bản đồ số 04, diện tích 220m², được cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số A 191500, do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch (nay là thị xã Ba Đồn) cấp ngày 30/4/1993); phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số đăng ký QB-1650-H do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình cấp ngày 30/01/2018, phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số đăng ký QB-0435-H do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình cấp ngày 26/01/2018 và phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số đăng ký QB-1142-H do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình cấp ngày 26/01/2018 cho Công ty.

* Kết quả Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình và văn bản tòa án thu thập được, xác định: ông Hoàng T đã chết trước đó (chết ngày 07/12/2020); thừa kế di sản của ông Hoàng T gồm có: mẹ là bà Hoàng Thị C, vợ là bà Hoàng Thị T, các con là ông Hoàng H, Hoàng H và Hoàng B.

* Ngày 04/5/2022, Công ty đã đăng ký thay đổi lần thứ 9, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Hoàng H, sinh ngày 09/11/1986; địa chỉ: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

** Trong quá trình tố tụng, ông Hoàng H, người đại diện theo pháp luật của bị đơn và đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* ông làm thủ tục người đại diện của Công ty tại Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình và được xác nhận là người đại diện của Công ty. Đối với việc vay vốn của Công ty với Ngân hàng số tiền 2.000.000.000 đồng thì anh có biết. Tuy nhiên việc ký kết hợp đồng là do bố của ông, đại diện Công ty ký với Ngân hàng, còn điều khoản thỏa thuận như thế nào thì ông không rõ. Sau khi vay vốn, thời gian đầu Công ty sắp xếp trả nợ cho Ngân hàng, nH sau đó do điều kiện khách quan ông Hoàng T đau bệnh hiểm nghèo, dịch bệnh COVID 19 nên hoạt động kinh doanh của công ty và điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, biến mất mùa nên Công ty không thể sắp xếp trả nợ đúng hạn cho ngân hàng được. Số tiền nợ gốc, lãi mà ngân hàng yêu cầu thì ông hoàn toàn nhất trí. Ông đề nghị Ngân hàng cho trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng, nếu Công ty kinh doanh được thì trả mỗi tháng cho ngân hàng từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Nếu ngân hàng không chấp nhận thì Công ty nhất trí để Ngân hàng xử lý các tài sản thế chấp là:

+ Thửa đất số 179; tờ bản đồ số 04; diện tích 220m²; địa chỉ thửa đất: xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 191500, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QSĐĐ/217/QĐUB, do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch (nay là thị xã Ba Đồn) cấp ngày 30/4/1993 cho ông Hoàng T. Thửa đất này do bố mẹ Anh là bên thứ ba đứng ra thế chấp để đảm bảo khoản vay của Công ty. Ông T chết vào ngày 07/12/2020, không để lại di chúc, với tư cách người thừa kế theo pháp luật, Anh nhất trí để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp này, không có ý kiến gì thêm.

+ Phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số đăng ký QB-1650-H do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình cấp ngày 30/01/2018 cho Công ty.

+ Phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy

nội địa số đăng ký QB-1142-H do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình cấp ngày 26/01/2018 cho Công ty.

Đối với phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số đăng ký QB-0435-H do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình cấp ngày 26/01/2018 cho Công ty. Phương tiện này Công ty đã bán vào năm 2020 để trả một phần nợ gốc cho Ngân hàng.

Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

** Trong quá trình tố tụng, bà Hoàng Thị T trình bày:* Bà và ông Hoàng Tường (chồng Bà, đã chết) đã thế chấp tài sản của vợ chồng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 179; tờ bản đồ số 04; diện tích 220m²; địa chỉ thửa đất: xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 191500, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QSDD/217/QĐUB, do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch (nay là thị xã Ba Đồn) cấp ngày 30/4/1993 cho ông Hoàng Tường. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/20198690481/HĐTD ngày 06/3/2019 ký kết giữa Ông, Bà với Ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ vay vốn của Công ty. Chồng Bà là ông Hoàng T chết, hiện nay hoạt động của Công ty không hiệu quả và hoàn cảnh kinh tế gia đình cũng khó khăn nên gia đình có nguyện vọng được trả dần. Trường hợp không thanh toán được nợ thì Bà nhất trí giao tài sản cho Ngân hàng xử lý.

Bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

** Trong quá trình tố tụng, Bà Hoàng Thị C trình bày:* Bà là mẹ của ông Hoàng T, tài sản mà ông Tường, bà T thế chấp để vay tiền ngân hàng thì Bà không biết và không liên quan gì. Phần di sản thừa kế bà không có ý kiến gì.

Bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

** Trong quá trình tố tụng, ông Hoàng B trình bày:* Ông là con đẻ của ông T và bà T, bố ông chết năm 2020. Trước đây bố mẹ ông có thế chấp tài sản để vay Ngân hàng hay không thì anh không biết. Tài sản là nhà và đất mà bố mẹ ông đã thế chấp là của bố mẹ, không liên quan gì đến ông, nếu không trả được nợ cho Ngân hàng thì ông đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp mà bố mẹ anh đã thế chấp.

Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

** Đối với ông Hoàng H:* Tòa án tiến hành xác minh và xác định ông Hoàng H hiện sinh sống tại thôn V, xã Q, thị xã B. Ủy ban nhân dân xã Quảng Văn đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập. Sau khi nhận các văn bản trên, UBND xã đã trực tiếp giao cho ông Hoàng H, việc ông H có đến Tòa án làm việc hay không thì UBND xã không rõ.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện của Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

+ Buộc bị đơn là Công ty có nghĩa vụ thanh toán ngay cho Ngân hàng tổng

số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 14/4/2023 là 2.149.819.727 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.520.000.000 đồng, dư nợ lãi là 629.819.727 đồng (lãi trong hạn là 427.426.850 đồng, lãi quá hạn là 202.392.877 đồng). Tại các Hợp đồng tín dụng cụ thể, như sau:

Hợp đồng số 01.3/2019/6547792 ngày 24/6/2019, tổng dư nợ là 746.463.562 đồng, trong đó dư nợ gốc là 520.000.000 đồng, nợ lãi là 152.495.343 đồng, lãi quá hạn là 73.968.219 đồng.

Hợp đồng số 01.4/2019/6547792/HĐTD ngày 10/7/2019, tổng dư nợ là 1.403.356.165 đồng, trong đó dư nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi là 274.931.507 đồng, lãi chậm trả là 128.424.658 đồng.

+ Đối với xử tài sản thế chấp: Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, không đưa vào xử lý đối với phương tiện Phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số đăng ký QB-0435-H do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình cấp ngày 26/01/2018 cho Công ty. Đối với các tài sản đã thế chấp khác, nếu Công ty không thực hiện trả nợ ngay thì Ngân hàng có quyền tự xử lý hoặc yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, bao gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hoàng T và bà Hoàng Thị T đã ký hợp đồng thế chấp số 01/2019/8690481/HĐBĐ ngày 06/3/2019, là thửa đất số 179, tờ bản đồ số 04, diện tích 220m², được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 191500, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QSDĐ/217/QĐUB, do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch (nay là thị xã Ba Đồn) cấp ngày 30/4/1993 cho ông Hoàng Tường và tài sản là nhà ở chưa được chứng nhận quyền sở hữu cụ thể, tại địa chỉ thôn Văn Phú, xã Quảng Văn, huyện Quảng Trạch (nay là thị xã Ba Đồn), tỉnh Quảng Bình, diện tích xây dựng 120m², diện tích sàn 120m², loại nhà cấp IV, 01 tầng, hoàn thành năm 2010; được xây dựng trên thửa đất đã ký thế chấp với Ngân hàng (số 179, tờ bản đồ số 04, diện tích 220m², được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 191500, do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch (nay là thị xã Ba Đồn) cấp ngày 30/4/1993)

Các phương tiện Phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số đăng ký QB-1650-H do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình cấp ngày 30/01/2018, Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số đăng ký QB-1142-H do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình cấp ngày 26/01/2018 cho Công ty.

- *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

+ Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào nội dung các hợp đồng mà các bên tham gia ký kết và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định mối quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn theo quy định tại khoản

1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đại diện cho Công ty là anh Hoàng H; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng H, bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị C, anh Hoàng B có trình bày được vắng mặt tại phiên tòa, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án; anh Hoàng H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai NH vẫn vắng mặt tại phiên tòa; do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt họ.

+ Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 91, 95 và 98 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 116, 117, 317, 323, 398, 463, 466, 613, 614, 615, 658 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của chính phủ.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn pH có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng đã ký kết. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thì nguyên đơn có quyền xử lý một phần tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, buộc bị đơn pH chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, trên cơ sở kết quả thẩm tra và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ngân hàng khởi kiện Công ty để yêu cầu trả số tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết, các bên có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận; Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Công ty có địa chỉ tại thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Xác định tư cách tham gia tố tụng:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty trả nợ; trước đây đại diện cho Công ty là ông Hoàng T, NH do ông T chết năm 2020, nên Công ty đã làm thủ tục thay đổi người đại diện và hiện ông Hoàng H hiện là người đại diện cho công ty và Tòa án xác định là người đại diện cho bị đơn.

Thửa đất số 179, tờ bản đồ số 04, diện tích 220m², được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 191500, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QSDĐ/217/QĐUB, do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch (nay là thị xã Ba Đồn) cấp ngày 30/4/1993 cho ông Hoàng T và tài sản là nhà ở chưa được chứng nhận quyền sở hữu cụ thể, tại địa chỉ thôn V, xã Quảng V, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình, diện tích xây dựng 120m², diện tích sàn 120m², loại nhà cấp IV, 01 tầng, hoàn thành năm 2010; được xây dựng trên thửa đất đã ký thế chấp với Ngân hàng (số 179, tờ bản đồ số 04, diện tích 220m², được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 191500, do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch (nay là thị xã Ba Đồn) cấp ngày 30/4/1993), đây là tài sản chung của ông Hoàng T và bà Hoàng Thị T. Ông Hoàng T đã chết (chết ngày 07/12/2020), không để lại di chúc. Do vậy di sản thừa kế của ông Hoàng T để lại là ½ giá trị tài sản trong khối tài sản chung với bà Hoàng Thị T. Đồng thừa kế theo pháp luật của ông Hoàng T gồm: mẹ và các con ông T là bà Hoàng Thị C, ông Hoàng B, ông Hoàng H, ông Hoàng H là hàng thừa kế thứ nhất, được xác định là người thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại theo Điều 615 Bộ luật dân sự. Bà C, bà T, ông B, ông H, ông H không thuộc trường hợp từ chối nhận di sản theo quy định tại Điều 620 Bộ luật dân sự nên được xác định là người thừa kế theo pháp luật và được Tòa án xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hiệu Ngân hàng khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Đối với khoản vay:

- Ngày 07/03/2019, Ngân hàng (*Sau đây gọi tắt là Ngân hàng*) và Công ty đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/6547792/HĐTD để vay số tiền 2.000.000.000 đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu; lãi suất: theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể; thời hạn vay: 12 tháng. Cụ thể:

+ Ngày 24/6/2019, Công ty ký kết với Ngân hàng hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.3/2019/6547792 để vay số tiền 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay 03 tháng; lãi suất cho vay: 8%/năm.

+ Ngày 10/7/2019, Công ty ký kết với Ngân hàng hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.4/2019/6547792/HĐTD để vay số tiền 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay 04 tháng; lãi suất cho vay 7,5%/năm.

Xét thấy, việc thỏa thuận vay tiền giữa Công ty với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự, phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117 Bộ luật dân sự 2015; hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 119, 398, 463 Bộ luật dân sự 2015. Ngân hàng đã giải ngân số tiền cho vay cho Công ty là có thực, được hai bên thừa nhận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng các bên đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định cụ thể về điều kiện cho vay. Tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay được thẩm định, định giá và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty đã thực hiện

nghĩa vụ trả nợ cho Ngân theo Hợp đồng cụ thể số 01.3/2019/6547792 ngày 24/6/2019 được 480.000.000 đồng số tiền gốc. Đối với số tiền nợ gốc, lãi còn lại theo yêu cầu của Ngân hàng thì ông Hoàng H, người đại diện cho Công ty trình bày do hoàn cảnh khó khăn, chưa thu xếp được để trả ngay nên đề nghị Ngân hàng cho trả nợ số tiền 10.000.000 đồng/tháng, trả dần cho khi hết nợ vay. Tuy nhiên phương án này không được Ngân hàng đồng ý.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Do Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các quy định về điều khoản thanh toán mà các bên đã tham gia ký kết nên khoản nợ chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Công ty có nghĩa vụ thanh toán ngay tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (14/4/2023) là 2.149.819.727 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.520.000.000 đồng, nợ lãi là 629.819.727 đồng (lãi trong hạn là 427.426.850 đồng, lãi quá hạn là 202.392.877 đồng) và tiền lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể cho đến khi trả hết nợ gốc. Tại các Hợp đồng tín dụng cụ thể, như sau: Hợp đồng số 01.3/2019/6547792 ngày 24/6/2019, tổng dư nợ là 746.463.562 đồng, trong đó dư nợ gốc là 520.000.000 đồng, nợ lãi là 152.495.343 đồng, lãi quá hạn là 73.968.219 đồng; Hợp đồng số 01.4/2019/6547792/HĐTD ngày 10/7/2019, tổng dư nợ là 1.403.356.165 đồng, trong đó dư nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi là 274.931.507 đồng, lãi chậm trả là 128.424.658 đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu Công ty trả nợ là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

- Đề đảm bảo cho khoản vay, Công ty và bên thứ 3 đã ký các Hợp đồng thế chấp với ngân hàng:

+ Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/8690481/HĐBĐ ngày 06/3/2019 về thế chấp thửa đất số 179; tờ bản đồ số 04; diện tích 220m²; địa chỉ thửa đất: xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 191500, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QSDĐ/217/QĐUB, do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch (nay là thị xã Ba Đồn) cấp ngày 30/4/1993 cho ông Hoàng T. Tài sản bảo đảm tại thời điểm thế chấp được định giá là 1.800.660.000 đồng.

+ Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2019/8690481/HĐTC ngày 06/3/2019 về thế chấp tài sản là 03 phương tiện thủy nội địa, cụ thể:

Phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số đăng ký QB-1650-H do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình cấp ngày 30/01/2018 cho Công ty.

Phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số đăng ký QB-0435-H do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình cấp ngày 26/01/2018 cho Công ty.

Phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số đăng ký QB-1142-H do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình cấp

ngày 26/01/2018 cho Công ty.

- Xét thấy, về hình thức và nội dung của các Hợp đồng thế chấp nhằm đảm bảo các khoản vay giữa các bên đã được công chứng và đăng ký bảo đảm theo đúng các quy định của pháp luật cũng như sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên. Do đó, trường hợp Công ty không trả được số nợ gốc và lãi phát sinh thì Ngân hàng được quyền tự xử lý hoặc yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự kê biên, phát mãi các tài sản:

+ Thửa đất số 179, tờ bản đồ số 04, diện tích 220m², tại thôn Văn Phú, xã Quảng Văn, huyện Quảng Trạch (nay là thị xã Ba Đồn), tỉnh Quảng Bình, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 191500, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QSDD/217/QĐUB, do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch (nay là thị xã Ba Đồn) cấp ngày 30/4/1993 cho ông Hoàng T và nhà ở chưa được chứng nhận quyền sở hữu tại thôn V, xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình, diện tích xây dựng 120m², diện tích sàn 120m², loại nhà cấp IV, 01 tầng, hoàn thành năm 2010, có kết cấu móng xây đá học, trụ bê tông cốt thép, mái lợp ngói, tường ốp gạch men, nền lát gạch hoa, cửa gỗ khung ngoại, trần ốp gỗ, có hệ thống chiếu sáng đầy đủ, vệ sinh khép kín, mái lợp tôn, cổng và hàng rào bao quanh; được xây dựng trên thửa đất đã ký thế chấp với Ngân hàng (số 179, tờ bản đồ số 04, diện tích 220m², được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 191500, do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch (nay là thị xã Ba Đồn) cấp ngày 30/4/1993)

+ Phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số đăng ký: QB-1650-H do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình cấp ngày 30/01/2018 và số đăng ký QB-1142-H do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình cấp ngày 26/01/2018 cho Công ty để thu hồi nợ.

Đối với phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số đăng ký số QB-0435-H do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình cấp ngày 26/01/2018 cho Công ty thì ngân hàng rút yêu cầu, không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 243, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

[4] Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên không pH chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Buộc bị đơn Công ty pH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ hết tổng số tiền 3.000.000 đồng, Ngân hàng đã nộp tạm ứng với số tiền 3.000.000 đồng. Khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không pH chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, Công ty pH chịu toàn bộ chi phí này theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, buộc ông Công ty pH có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng cho Ngân hàng.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn về giải quyết vụ án là phù hợp, có cơ sở nên cần chấp nhận.

[7] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 68; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 116, 117, 119, 317, 323, 398, 429, 463, 466, 613, 614, 615, 658 Bộ luật dân sự năm 2015;

Các Điều 91, 95 và 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 7, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” và điểm đ Điều 1.4 Phần 1, Mục II, Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đại diện bị đơn là ông Hoàng H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị C, ông Hoàng B, ông Hoàng H.

2. Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số đăng ký số QB-0435-H, do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình cấp ngày 26/01/2018 cho Công ty TNHH Thương mại H

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ. Buộc Công ty TNHH Thương mại H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng các khoản với số tiền là 2.149.819.727 đồng (*Hai tỷ, một trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm mười chín nghìn, bảy trăm hai mươi bảy đồng*), trong đó: nợ gốc là 1.520.000.000 đồng, nợ lãi là 629.819.727 đồng (lãi trong hạn là 427.426.850 đồng, lãi quá hạn là 202.392.877 đồng). Tại các Hợp đồng tín dụng cụ thể, như sau: Hợp đồng số 01.3/2019/6547792 ngày 24/6/2019, tổng dư nợ là 746.463.562 đồng, trong đó nợ gốc là 520.000.000 đồng, nợ lãi là 152.495.343 đồng, lãi quá hạn là 73.968.219 đồng; Hợp đồng số 01.4/2019/6547792/HĐTD ngày 10/7/2019, tổng dư nợ là 1.403.356.165 đồng, trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi

là 274.931.507 đồng, lãi chậm trả là 128.424.658 đồng.

4. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (14/4/2023), Công ty TNHH Thương mại H còn pH tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng cụ thể: số 01.3/2019/6547792, ngày 24/6/2021 và số 01.4/2019/6547792/HĐTD ngày 10/7/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay pH tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp Công ty TNHH Thương mại H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản đã thế chấp sau đây để thu hồi nợ, cụ thể:

- Thửa đất số 179, tờ bản đồ số 04, diện tích 220m², tại thôn V, xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 191500, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QSĐĐ/217/QĐUB, do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch (nay là thị xã Ba Đồn) cấp ngày 30/4/1993 cho ông Hoàng T.

- Nhà ở chưa được chứng nhận quyền sở hữu tại thôn V, xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình, diện tích xây dựng 120m², diện tích sàn 120m², loại nhà cấp IV, 01 tầng, hoàn thành năm 2010, có kết cấu móng xây đá học, trụ bê tông cốt thép, mái lợp ngói, tường ốp gạch men, nền lát gạch hoa, cửa gỗ khung ngoại, trần ốp gỗ, có hệ thống chiếu sáng đầy đủ, vệ sinh khép kín, mái lợp tôn, công và hàng rào bao quanh; được xây dựng trên thửa đất đã ký thế chấp với Ngân hàng [số 179, tờ bản đồ số 04, diện tích 220m², được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 191500, do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch (nay là thị xã Ba Đồn) cấp ngày 30/4/1993].

- Các phương tiện thủy nội địa:

Phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số đăng ký QB-1650-H do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình cấp ngày 30/01/2018 cho Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tường.

Phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số đăng ký QB-1142-H do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Bình cấp ngày 26/01/2018 cho Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tường.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH Thương mại H pH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền pH trả cho ngân hàng là 74.996.395 đồng (*Bảy mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn. Ba trăm chín mươi lăm đồng*).

- Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ được chấp nhận nên được

hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 36.487.132 đồng (*Ba mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm ba mươi hai đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0003500 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

7. Chi phí tố tụng: buộc ông Công ty TNHH Thương mại H pH có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam .

8. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/4 /2023); bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Anh Đức